



Số: 23/TB-VC1-KDTM

Hà Nội, ngày 29 tháng 5 năm 2023

THÔNG BÁO RÚT KINH NGHIỆM

Về vi phạm trong giải quyết vụ án kinh doanh thương mại Về tranh chấp thành viên công ty

Thông qua công tác kiểm sát xét xử phúc thẩm vụ án “Tranh chấp giữa người chưa phải là thành viên công ty có giao dịch về chuyển nhượng cổ phần” giữa các đồng nguyên đơn là ông Hoàng Minh G, ông Vũ Bá L, ông Nguyễn Đức T1 với Bị đơn ông Nguyễn Minh T2; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Công ty cổ phần Thương mại và dịch vụ Du lịch A, chị Đào Thùy D, ông Nguyễn Thanh L1, chị Nguyễn Thị L2, ông Hoàng Văn T3;

Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội nhận thấy: Bản án sơ thẩm số 01/2021/KDTM-ST ngày 24/08/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh H vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong việc yêu cầu cung cấp chứng cứ và thu thập chứng cứ, đánh giá chứng cứ thiếu khách quan dẫn đến quyết định giải quyết vụ án chưa đúng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, cần nêu ra để rút kinh nghiệm chung.

1. Tóm tắt nội dung vụ án

Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ A (sau đây viết tắt là Công ty A) thành lập năm 2005 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký lần đầu số 25.03.000078 ngày 08/9/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh H cấp, vốn điều lệ 5,5 tỷ đồng, danh sách cổ đông sáng lập tại thời điểm thành lập Công ty gồm: ông Nguyễn Minh T2, ông Hoàng Văn T3, chị Đào Thùy D, ông Nguyễn Thanh L1 và chị Nguyễn Thị L2. Công ty được UBND tỉnh H cho phép thực hiện Dự án Hồ D-Núi Đ trên diện tích đất khoảng 09 ha tại phường HN, thị xã H, tỉnh H, theo Quyết định số 2594/QĐ-UBND ngày 15/12/2005 của UBND tỉnh H.

Sau một thời gian hoạt động, Công ty A có việc chuyển nhượng cổ phần, thay đổi thành viên. Công ty đã trải qua 04 lần đăng ký thay đổi (lần 1 vào ngày 27/12/2006; lần 2 vào 03/11/2016; lần 3 vào 02/12/2019 và lần 4 vào 03/01/2020) nhưng vốn điều lệ không thay đổi, vẫn là 5,5 tỷ đồng, mệnh giá 01 triệu đồng/cổ phần, tổng số là 5.500 cổ phần.

Do có khiếu nại về việc chuyển nhượng cổ phần, thay đổi thành viên Công ty A, ngày 27/12/2019 Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh H ban hành Quyết định số 13/QĐ-ĐKKD huỷ bỏ đăng ký thay đổi lần 2 vì lý do thông tin giả mạo; khôi phục lại giá trị pháp lý của Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 1 ngày 27/12/2006. Tuy nhiên sau đó vẫn phát sinh đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 4 của Công ty A dẫn đến khiếu kiện phức tạp liên quan đến cổ phần và thay đổi thành viên trong Công ty.

Theo đơn khởi kiện ngày 26/5/2020 của đồng nguyên đơn là các ông Hoàng Minh G, Vũ Bá L, Nguyễn Đức T1 trình bày: Đầu năm 2011, các ông có nhận



chuyển nhượng cổ phần của các cổ đông sáng lập Công ty A, trong đó: ông G nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Minh T2 là 05% cổ phần, từ chị Nguyễn Thị L2 là 20% cổ phần, từ chị Đào Thùy D 05% cổ phần, tổng cộng ông G có 30% cổ phần tại Công ty A. Ông Nguyễn Đức T1 nhận chuyển nhượng cổ phần từ ông Nguyễn Minh T2 và ông Vũ Bá L, tổng cộng ông T1 có 22,5% cổ phần. Ông Vũ Bá L tham gia Công ty A ngay từ đầu, nhưng lúc đó ông còn là công chức Nhà nước nên đã lấy tên cháu ông là Hoàng Văn T3 đứng tên cổ phần, tổng cộng ông L có 10% cổ phần.

Thời điểm năm 2011, ông Nguyễn Minh T2 làm Giám đốc Công ty A. Việc nhận chuyển nhượng cổ phần của các ông đã thực hiện đúng theo thỏa thuận và hoàn toàn tự nguyện. Ông G, ông T1, ông L đã nộp đủ tiền nhận chuyển nhượng cổ phần vào Công ty A, cụ thể: ông G nộp 525.000.000 đồng; ông T1 nộp 190.000.000 đồng; ông L nộp 155.000.000 đồng. Việc chuyển nhượng và nộp tiền chuyển nhượng cổ phần vào Công ty A đã được Giám đốc Công ty A là ông T2 xác nhận.

Tại Nghị quyết Đại hội cổ đông số 02/2011/NQĐHCD-A ngày 22/3/2011 của Công ty A, mục 3/ có nội dung *"Thay đổi một số thành viên góp vốn và tỷ lệ cổ phần thực tế như sau: Do nhiều lý do khác nhau mà một số thành viên trong Công ty không có khả năng đóng góp cổ phần của mình trong Công ty và một thành viên có nhu cầu chuyển nhượng cho các thành viên mới, cụ thể tỷ lệ cổ phần của Công ty hiện tại như sau (tổng 100% cổ phần): Ông Nguyễn Minh T2 nắm giữ 37,5% cổ phần; ông Hoàng Minh G nắm giữ 30% cổ phần; ông Nguyễn Đức T1 nắm giữ 22,5% cổ phần; ông Vũ Bá L nắm giữ 10% cổ phần."*

Công ty lập hồ sơ trình phòng đăng ký kinh doanh, sửa đổi Điều lệ và vào sổ đăng ký cổ đông bổ sung các thành viên mới, xóa bỏ các thành viên cũ theo đúng quy định của pháp luật hiện hành (Nghị quyết này thay thế cho các nghị quyết trước đây về tỷ lệ cổ phần và có giá trị pháp lý kể từ ngày được ký) ...".

Sau khi nhận chuyển nhượng cổ phần và có Nghị quyết Đại hội cổ đông ngày 22/3/2011 nêu trên, các ông G, ông T1, ông L có tham gia nhiều hoạt động của Công ty A, như bàn kế hoạch phát triển Công ty; tham gia các cuộc họp thương thuyết với các hộ dân có đất, tài sản trên đất trong phạm vi Dự án Hồ D-Núi Đ bị ảnh hưởng... Tuy nhiên Giám đốc Công ty A là ông Nguyễn Minh T2 không thực hiện Nghị quyết Đại hội cổ đông ngày 22/3/2011, không báo cáo Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh H để thay đổi cổ đông Công ty, không đưa ông G, ông T1, ông L vào Danh sách cổ đông, tự ý thực hiện các công việc theo ý chí riêng của ông T2, như: cho thuê đường điện, cho thuê ao thả cá ... các ông G, ông T1, ông L đã nhiều lần yêu cầu ông T2 thực hiện theo đúng Nghị quyết Đại hội cổ đông ngày 22/3/2011 nhưng ông T2 vẫn cố tình không thực hiện, ông T2 đã lập hồ sơ giả mạo trình phòng đăng ký kinh doanh, Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh H thay đổi đăng ký kinh doanh nhiều lần không đúng quy định của pháp luật... Các ông G, ông T1, ông L đã có nhiều văn bản gửi đến các cơ quan bảo vệ pháp luật, Sở Kế hoạch và đầu tư của tỉnh H yêu cầu giải quyết quyền lợi hợp pháp cho các ông. Sau nhiều lần khiếu nại đến các cơ quan có thẩm quyền, ngày 27/9/2019, Phòng đăng ký kinh doanh, Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh H đã ban hành Quyết định số 13 về việc hủy bỏ Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 2 của Công ty A do nội dung thông tin giả mạo; khôi phục giá trị pháp lý của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ nhất ngày 27/12/2006. Tuy nhiên, sau đó ông T2 tiếp tục giả mạo hồ sơ trình để đăng ký thay đổi Giấy

chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 4, thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty A từ ông T2 sang ông Nguyễn Trung T4 và ngày 03/01/2020, Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh H đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 4 xác định ông T4 là Giám đốc, Đại diện theo pháp luật của Công ty A.

Do đó, các đồng nguyên đơn là ông G, ông T1 và ông L khởi kiện yêu cầu ông T2 – Giám đốc Công ty A phải thực hiện Nghị quyết Đại hội cổ đông ngày 22/3/2011 của Công ty A, đề nghị ghi tên các ông G, T1, L vào danh sách cổ đông Công ty để được hưởng các quyền lợi của cổ đông trong Công ty A.

Ông Nguyễn Minh T2 là Bị đơn có yêu cầu phản tố trình bày: Việc ông Hoàng Minh G, Vũ Bá L, Nguyễn Đức T1 nhận chuyển nhượng cổ phần từ các cổ đông sáng lập trong Công ty A và Nghị quyết Đại hội cổ đông ngày 22/3/2011 xác định tỷ lệ cổ phần và số tiền đóng góp của các cổ đông là đúng như trình bày của ông G, ông T1, ông L. Tính đến ngày 30/03/2012, ông G đã góp vốn 525.000.000 đồng, tương đương 30% cổ phần; ông T1 góp vốn 190.000.000 đồng, tương đương 22,5% cổ phần; ông L góp vốn 155.000.000 đồng, tương đương 10% cổ phần. Ông Nguyễn Minh T2 nắm giữ 37,5% cổ phần. Số tiền góp vốn nêu trên đã được sử dụng để bồi thường giải phóng mặt bằng Dự án.

Sau khoảng 01 tháng từ khi họp Đại hội cổ đông và quyết toán số tiền từng thành viên đã đóng góp, do UBND tỉnh H quyết định Công ty A phải hỗ trợ thêm công cải tạo đất cho các hộ dân với tổng số tiền khoảng 694.197.000 đồng (Quyết định số 1038/QĐ-UBND ngày 20/4/2012), ông T2 đã thông báo cho các thành viên Công ty góp thêm tiền để hỗ trợ cho dân, nhưng không ai đóng góp. Đến ngày 04/10/2012, ông T2 mời tất cả các thành viên Công ty họp và quyết toán số tiền đã góp, kê khai các khoản đã chi phí cho Dự án, các thành viên (ông T1, ông T2, ông G, ông L) đã nhất trí ký vào Biên bản quyết toán.

Ngày 28/12/2012, khi các hộ dân kéo nhau đến đòi đất, do các thành viên Công ty A từ cuối năm 2012 không góp thêm vốn đầu tư Dự án và do lo sợ nếu không trả tiền đền bù hỗ trợ bổ sung cho các hộ dân thì Dự án cũng bị thu hồi và bị mất số tiền đã đền bù đợt đầu nên ông T2 đã tự lo số tiền 694.197.000 đồng trả bổ sung cho các hộ dân theo quyết định đã được UBND tỉnh H phê duyệt (nội dung này được các đồng nguyên đơn thừa nhận, ông Nguyễn Đức T1 là người tham gia ký tên trong Biên bản trả tiền hỗ trợ cho các hộ dân). Ông T2 cũng là người trực tiếp nộp các khoản thuế, phí của Công ty A. Kể từ thời điểm đó đến nay không thành viên nào đóng góp thêm vốn, một mình ông T2 tự bỏ vốn và vay mượn thêm để tiếp tục đầu tư Dự án. Thực tế số tiền ông T2 đã đầu tư vào Dự án khoảng 04 tỷ đồng. Do lúc đầu tư không khảo sát kỹ, Dự án nằm ở vùng rốn lũ, suốt từ dốc đổ ra mùa mưa đã cuốn trôi hết tài sản đã xây dựng của Công ty A, nước ngập không đầu tư phát triển được gì nên Dự án đã bỏ hoang nhiều năm nay.

Tháng 3/2015, ông Nguyễn Đức T1 hỏi mượn đất tại khu giáp ranh giữa Dự án và khu Vista của ông T1. Ông T2 có viết giấy cho ông T1 mượn khoảng 1.200 m² đất nhưng khi ông T2 đi vắng, ông T1 đã thuê máy đập toàn bộ tường đá xây từ trước và chiếm thêm, sử dụng khoảng 4000 m² đất Dự án.

Từ cuối năm 2015, ông G đã gặp ông T2 nhiều lần để bàn bạc về vấn đề cổ phần, đã có nhiều phương án nêu ra nhưng không thực hiện được. Ông G đã nhiều lần gửi đơn đến Công an tỉnh H tố cáo yêu cầu giải quyết, cho rằng ông T2 lừa đảo

chiếm dụng tiền vốn, vụ việc đã được Công an tỉnh H trả lời ông T2 không phạm tội lừa đảo.

Khoảng cuối năm 2019, đầu năm 2020, do sức ép phải trả nợ số tiền ông T2 đã vay trước đó để đầu tư Dự án, thông qua môi giới, ông T2 đã đồng ý chuyển nhượng 65% cổ phần Công ty A cho ông Nguyễn Trung T4 và ngày 03/01/2020 đã làm thủ tục thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần 4. Hiện tại ông Nguyễn Trung T4 là người nắm nhiều cổ phần nhất trong Công ty A nên ông T4 làm Giám đốc, mọi công việc trong Công ty A là do ông T4 quyết định.

Ông T2 phản tố, đề nghị Tòa án giải quyết cho ông T2 được trả lại số tiền ông G, ông L và ông T1 đã thực góp vốn vào Công ty A (ông G: 525.000.000 đồng; ông T1: 190.000.000 đồng; ông L: 155.000.000 đồng); yêu cầu ông T1 trả lại ông T2 diện tích 4000m² đất đã mượn của Công ty A. Đề nghị công nhận số vốn ông T2 đã đầu tư vào Dự án của Công ty A là 04 tỷ đồng.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cho rằng: Họ không liên quan đến tranh chấp của các đồng nguyên đơn và Bị đơn, đề nghị toà án không triệu tập họ đến phiên toà.

Tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 31/12/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh H xác định: Toàn bộ diện tích đất của Công ty A đã xây tường bao cao 1,6 m, phía trên có lưới B40...trên đất có 03 nhà cấp 4 hiện bỏ hoang, 01 sân lợp mái hiên; một số cây ăn quả, cây cảnh, 04 cột điện; 01 ao khoảng 3ha, cạnh ao có 01 lán cũ bỏ hoang, 02 lều nuôi cá...Phía bên kia bờ suối, Công ty đã cho ông T1 mượn đất khoảng 4000 m²...

Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2021/KDTM-ST ngày 24/8/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh H tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn (ông Hoàng Minh G, Vũ Bá L, Nguyễn Đức T1). Buộc Công ty A phải thực hiện đúng Nghị quyết Đại hội cổ đông ngày 22/3/2011 của Công ty. Lập hồ sơ trình Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh H, sửa đổi Điều lệ Công ty và vào Sổ đăng ký cổ đông, bổ sung các thành viên mới đối với các ông Hoàng Minh G, Vũ Bá L, Nguyễn Đức T1 theo đúng pháp luật hiện hành về công ty cổ phần.

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Minh T2...

2. Vi phạm cần rút kinh nghiệm

Thứ nhất, Bản án sơ thẩm vi phạm trong việc thu thập và đánh giá chứng cứ để xác định tỷ lệ % cổ phần của các đồng nguyên đơn trong Công ty A, thể hiện:

Quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Minh T2 là Bị đơn và các đồng nguyên đơn (ông Hoàng Minh G, ông Vũ Bá L và ông Nguyễn Đức T1) đều khai nhận phù hợp với Nghị quyết Đại hội cổ đông ngày 22/3/2011, thể hiện ông Nguyễn Minh T2 có 37,5% cổ phần; ông Hoàng Minh G có 30% cổ phần; ông Nguyễn Đức T1 có 22,5% có cổ phần và ông Vũ Bá L có 10% cổ phần Công ty A.

Tuy nhiên, theo các chứng từ chuyển nhượng cổ phần lại thể hiện: Ông Hoàng Minh G nhận chuyển nhượng 05% cổ phần của chị D + 05% cổ phần của ông T2 + 20% % cổ phần của chị L2 + 05% cổ phần của ông H = 35% cổ phần của Công ty A. Ông Vũ Bá L có 10% cổ phần tại Công ty A nhưng đã chuyển nhượng 05% cổ phần cho ông Nguyễn Đức T1. Theo đó ông L chỉ còn 05% cổ phần. Ông Nguyễn

Đức T1 mua ông Nguyễn Thanh L1 và ông Hoàng Văn T3 là 20% cổ phần + mua của ông L 05% cổ phần = 25% cổ phần.

Biên bản Hội nghị cổ đông Công ty A ngày 30/03/2012 thì lại ghi nhận ông Nguyễn Minh T2 sở hữu 35% cổ phần, đã đóng 04 lần tiền là 612.500.000 đồng; ông Hoàng Minh G sở hữu 30% cổ phần, đã đóng 04 lần tổng số tiền 525.000.000 đồng; ông Nguyễn Đức T1 sở hữu 25% cổ phần, đã đóng 190.000.000 đồng; ông Vũ Bá L sở hữu 10% cổ phần, đã đóng 155.000.000 đồng.

Như vậy, có căn cứ xác định ông Hoàng Minh G, ông Nguyễn Đức T1 và ông Vũ Bá L đã góp tiền mua cổ phần của Công ty A (ông G góp 525.000.000 đồng; ông T1: 190.000.000 đồng; ông L: 155.000.000 đồng), tuy nhiên số tiền đã góp này tương ứng với bao nhiêu % cổ phần của Công ty A thì còn mâu thuẫn.

Nếu căn cứ vào số tiền ông G, ông L, ông T1 đã thanh toán mua cổ phần thì không đủ tỷ lệ cổ phần theo ghi nhận tại Nghị quyết Đại hội cổ đông ngày 22/3/2011 và lời khai của các ông, bởi lẽ: Theo Giấy đăng ký doanh nghiệp thì vốn điều lệ của Công ty A tại thời điểm chuyển nhượng cổ phần vẫn là 5,5 tỷ đồng, mệnh giá 1000.000 đồng/cổ phần, tổng số 5.500 cổ phần. Ông G thanh toán 525.000.000 đồng tương đương 525 cổ phần/5.500 cổ phần = 9,54% tổng số cổ phần của Công ty A; ông T1 thanh toán 190.000.000 đồng tương đương 190 cổ phần = 3,45%; ông L thanh toán 155.000.000 đồng tương đương 155 cổ phần = 2,82%, tỷ lệ này nhỏ hơn rất nhiều so với tỷ lệ cổ phần của các ông được ghi nhận tại Nghị quyết Đại hội cổ đông ngày 22/3/2011.

Khi giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét vốn thực góp của các thành viên sáng lập Công ty A tương ứng với bao nhiêu % cổ phần trước khi họ thực hiện việc chuyển nhượng cổ phần cho người mới, cũng chưa xem xét đánh giá tính pháp lý của các giấy tờ chuyển nhượng cổ phần, giá trị tài sản của Công ty A để làm rõ các mâu thuẫn về tỷ lệ cổ phần. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu, cổ đông sáng lập phải thanh toán đủ số cổ phần đã đăng ký mua và Công ty phải điều chỉnh vốn điều lệ bằng giá trị mệnh giá số cổ phần đã thanh toán. Nếu quá thời hạn trên mà cổ đông nào chưa thanh toán tiền mua cổ phần thì đương nhiên không còn là cổ đông của Công ty và do đó họ cũng không có cổ phần nào để mà chuyển nhượng cho người mới. Tòa án cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào lời khai của các đương sự và Nghị quyết Đại hội cổ đông ngày 22/3/2011 để xác định và buộc công nhận tỷ lệ % cổ phần tại Công ty A cho các cổ đông (là đồng nguyên đơn trong vụ án) là thiếu căn cứ, không chính xác.

Thứ hai, Bản án sơ thẩm vi phạm trong việc thu thập chứng cứ; nhận định, đánh giá cho rằng Bị đơn không có tài liệu chứng minh về việc đã bỏ thêm vốn đầu tư vào Dự án là thiếu căn cứ, không thuyết phục, bởi lẽ:

Theo lời khai của Bị đơn (ông T2) trình bày: Sau khi ông T2 đề nghị nhưng không thành viên nào của Công ty A góp thêm vốn, ông T2 đã tự bỏ ra 694.197.000 đồng đền bù hỗ trợ bổ sung đợt 2 cho các hộ dân đề giải phóng mặt bằng Dự án (có giấy tờ hợp lệ, nội dung này đã được phía nguyên đơn xác nhận). Đồng thời ông T2 đã đầu tư đào ao, làm nhà, xây tường rào, lán trại chăn nuôi trên đất Dự án (nội dung này phù hợp với hiện trạng được thể hiện trong Biên bản thẩm định tại chỗ ngày 31/12/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh H).

Ông T2 cho rằng số tiền ông đầu tư vào Dự án hết 04 tỷ đồng nhưng phía nguyên đơn chỉ thừa nhận tổng số là 754 triệu đồng (bao gồm số tiền hỗ trợ bổ sung đợt 2 cho các hộ dân và tiền xây tiền bao), số tiền còn lại các đương sự không thống nhất được. Toà án cấp sơ thẩm đã yêu cầu cung cấp chứng cứ, ông T2 trình bày toàn bộ giấy tờ, tài liệu liên quan đến việc xây nhà, đào ao... ông đã nộp cho cơ quan Công an khi ông bị phía nguyên đơn tố cáo là lừa đảo. Tuy nhiên sau đó Toà án cấp sơ thẩm không thu thập chứng cứ để xác minh làm rõ.

Quá trình giải quyết vụ án, các bên đương sự đều thống nhất việc định giá để xác định giá trị các công trình xây dựng trên đất Dự án nhưng Toà án cấp sơ thẩm cũng không tiến hành định giá tài sản.

Việc Toà án cấp sơ thẩm không tiến hành thu thập chứng cứ, không tiến hành định giá tài sản là thu thập chứng cứ không đầy đủ dẫn đến kết luận thiếu căn cứ, thiếu thuyết phục. Bên cạnh đó, việc ông T2 tự bỏ chi phí bồi thường hỗ trợ đợt 2 và chi phí tiến hành xây dựng trên đất Dự án là thực hiện theo “ Quy chế góp vốn và các vấn đề liên quan đến việc góp vốn” được xác định tại Nghị quyết Đại hội cổ đông ngày 22/3/2011. Toà án cấp sơ thẩm không xem xét, đánh giá vấn đề này để xác định vào phần vốn góp của ông T2 là không thuyết phục, không đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

Do có những vi phạm nêu trên, tại phiên toà phúc thẩm ngày 02/12/2022, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã đề nghị, được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận huỷ toàn bộ Bản án sơ thẩm, giao Hồ sơ vụ án về Toà án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

Vậy, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội thông báo để các Viện kiểm sát địa phương trong khu vực phía Bắc cùng tham khảo rút kinh nghiệm./.

Nơi nhận:

- VKSND 28 tỉnh, TP khu vực phía Bắc;
- Các Viện nghiệp vụ 1, 2,3 VP VC1;
- Các đ/c lãnh đạo VC1;
- VC2, VC3; Vụ 10, Vụ 14, VP VKSNDTC;
- Lưu: VT, V4, HSKS.

**KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG**



Phạm Thị Minh Yến